

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672012 - Hình họa - vẽ kỹ thuật  
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0)      Lần thi : 1  
Năm học : 2013-2014      Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên         |        | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                   |        |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 1   | Trần Văn          | Đông   | 3572020386 | 10/11/1993 | 4,10        | 6,00        | 5,40      |         |
| 2   | Trần              | Lanh   | 3572020516 | 22/01/1993 | 3,80        |             |           | Nợ HP   |
| 3   | Thái Văn          | Đạt    | 3572020908 | 01/06/1993 | ,00         |             |           | Nợ HP   |
| 4   | Nguyễn Hoàng      | Duy    | 3572021487 | 18/04/1993 | ,00         |             |           |         |
| 5   | Phạm Văn Hoàng    | Kim    | 3673020481 | 20/04/1994 | 7,40        | 5,70        | 6,20      |         |
| 6   | Đinh Thị          | Hiền   | 3673020582 | 30/09/1993 | 6,70        | 5,30        | 5,70      |         |
| 7   | Trần Nguyễn Thanh | Hải    | 3673020617 | 08/07/1993 | ,00         |             |           | Nợ HP   |
| 8   | Huỳnh Phương      | Vinh   | 3673021071 | 05/01/1994 | 6,10        | 9,40        | 8,40      |         |
| 9   | Lê Công           | Hiền   | 3673021113 | 20/10/1993 | 6,40        | 5,60        | 5,80      |         |
| 10  | Phạm Thị Kiều     | Anh    | 3673021219 | 25/08/1994 | 5,80        | 2,80        | 3,70      |         |
| 11  | Nguyễn Chí        | Hiếu   | 3771050248 | 17/02/1995 | 8,30        | 8,70        | 8,60      |         |
| 12  | Nguyễn Thị Ngọc   | Tiên   | 3773020004 | 05/04/1995 | 6,90        | 5,30        | 5,80      |         |
| 13  | Phạm Minh         | Vương  | 3773020006 | 01/07/1995 | 7,00        | 7,20        | 7,10      |         |
| 14  | Nguyễn Hữu        | Tài    | 3773020022 | 02/08/1995 | 5,90        | 4,80        | 5,10      |         |
| 15  | Nguyễn Đình       | Sanh   | 3773020028 | 10/09/1994 | 3,70        | 5,80        | 5,20      |         |
| 16  | Võ Duy            | Quang  | 3773020042 | 24/09/1995 | 2,90        | 1,20        | 1,70      |         |
| 17  | Mã Đỗ Đăng        | Khoa   | 3773020059 | 25/08/1995 | 5,70        | 3,60        | 4,20      |         |
| 18  | Mai Ngọc          | Thi    | 3773020093 | 24/01/1994 | 2,80        | 1,00        | 1,50      |         |
| 19  | Trần Quang        | Vinh   | 3773020109 | 14/04/1995 | ,00         |             |           |         |
| 20  | Văn Trung Thiện   | Trí    | 3773020125 | 16/12/1992 | 4,00        | 1,60        | 2,30      |         |
| 21  | Phạm Văn          | Công   | 3773020128 | 20/07/1995 | 2,30        | 6,40        | 5,20      |         |
| 22  | Lê Hoàng          | Thái   | 3773020139 | 31/08/1995 | 6,90        | 8,80        | 8,20      |         |
| 23  | Tân Minh          | Tiến   | 3773020166 | 15/10/1995 | 3,80        | 2,00        | 2,50      |         |
| 24  | Nguyễn Xuân       | Hiệp   | 3773020170 | 16/05/1995 | 5,70        | 9,20        | 8,20      |         |
| 25  | Bùi Trọng         | Hiếu   | 3773020180 | 30/04/1995 | 6,30        | 5,40        | 5,70      |         |
| 26  | Văn Công Linh     | Phụng  | 3773020182 | 26/09/1994 | 3,20        | 2,00        | 2,40      |         |
| 27  | Mai Thanh         | Hùng   | 3773020191 | 15/04/1993 | 3,60        | 1,70        | 2,30      |         |
| 28  | Huỳnh Văn         | Quý    | 3773020207 | 14/07/1994 | 1,70        | 1,00        | 1,20      |         |
| 29  | Nguyễn Khánh      | Dương  | 3773020210 | 09/12/1995 | 5,30        | 5,00        | 5,10      |         |
| 30  | Nguyễn Bảo        | Khánh  | 3773020224 | 10/05/1995 | 3,90        | 4,00        | 4,00      |         |
| 31  | Quảng Thị Ô       | Von    | 3773020233 | 23/08/1994 | 4,50        | 4,10        | 4,20      |         |
| 32  | Nguyễn Phan Thiện | Thuật  | 3773020236 | 20/10/1995 | 4,70        | 6,20        | 5,70      |         |
| 33  | Lại Ngọc          | Trung  | 3773020250 | 18/05/1995 | ,00         |             |           |         |
| 34  | Nguyễn Thị Mỹ     | Phương | 3773020252 | 28/09/1995 | 7,10        | 9,10        | 8,50      |         |
| 35  | Nguyễn Mạnh       | Linh   | 3773020266 | 04/12/1995 | 4,90        | 1,00        | 2,20      |         |

| STT | Họ và tên    |       | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|--------------|-------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |              |       |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 36  | Nguyễn Đại   | Lượng | 3773020270 | 28/11/1994 | 2,70        | 3,50        | 3,20      |         |
| 37  | Nguyễn Thanh | Quảng | 3773020293 | 21/11/1994 | ,00         |             |           |         |
| 38  | Nguyễn Anh   | Quý   | 3773020296 | 17/12/1995 | ,00         |             |           |         |
| 39  | Trần Hoàng   | Vỹ    | 3773020312 | 06/03/1994 | 4,50        | 4,50        | 4,50      |         |
| 40  | Bùi Hải      | Châu  | 3773020318 | 28/02/1995 | 3,70        | ,00         | 1,10      |         |
| 41  | Đỗ Hậu       | Hón   | 3773020323 | 10/04/1994 | ,00         |             |           |         |
| 42  | Đặng Quang   | Vương | 3773020324 | 02/02/1995 | 1,00        | 2,60        | 2,10      |         |
| 43  | Hoàng Văn    | Đức   | 3773020338 | 09/01/1995 | 1,50        | 3,30        | 2,80      |         |
| 44  | Phạm Thị Kim | Luyến | 3773020341 | 01/09/1995 | 5,80        | 3,50        | 4,20      |         |
| 45  | Lê Thị       | Hận   | 3773020344 | 09/03/1995 | 4,80        | 5,50        | 5,30      |         |
| 46  | Huỳnh Đỗ Văn | Sinh  | 3773020347 | 07/07/1994 | 2,40        |             |           |         |
| 47  | Nguyễn Thịnh | Phú   | 3773021176 | 22/01/1991 | 6,90        | 7,90        | 7,60      |         |
| 48  | Lê Văn       | Mẫn   | 3773021262 | 10/10/1995 | ,80         | 3,60        | 2,70      |         |
| 49  | Bùi Văn      | Linh  | 3773021351 | 10/04/1994 | 3,80        |             |           |         |
| 50  | Lương Hoài   | Phúc  | 3773021448 | 22/07/1994 | 3,50        | 3,40        | 3,40      |         |

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm  
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo  
(Họ tên và chữ ký)